

Số: 463/BC-UBND

Tuần Giáo, ngày 25 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2020

Thực hiện Văn bản số 1851/UBND-TH ngày 18/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020.

UBND huyện Tuần Giáo báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2020 trên địa bàn huyện với nội dung sau:

PHẦN I CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT 37-NQ/TW

I. Tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm thực hiện Nghị quyết tại địa phương

Sau khi Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020 và các văn bản khác có liên quan được ban hành¹; Huyện ủy, HĐND và UBND huyện đã tổ chức hội nghị triển khai sâu rộng tới các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức nghề nghiệp và đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện, thống nhất nhận thức đầy đủ về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020. Lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các cấp tổ chức tuyên truyền giáo dục và vận động nhằm quán triệt triển khai thực hiện bằng các nhiệm vụ và biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện trên địa bàn huyện. Ngoài ra UBND huyện còn chỉ đạo triển khai bằng nhiều hình thức như: Tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở, tại các khu dân cư, trên xe lưu động, bằng băng rôn, pa nô trực quan... thông qua các hoạt động sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể; lồng ghép với các hội nghị, hội thi, hội diễn, các cuộc họp tại cơ sở. Do vậy đã nâng cao về nhận thức, thống nhất giữa ý chí và hành động giữa nhân dân, cán bộ,

¹ Kết luận số 26-KL/TW ngày 02/8/2012 của Bộ Chính trị; Quyết định số 79/2005/QĐ-TTg ngày 15/4/2005 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ; Quyết định số 1580/QĐ-TTg ngày 06/9/2014 ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Kết luận số 26-KL/TW ngày 02/8/2012 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020; Nghị quyết số 03/NQ-TU ngày 12/1/2005 của Đảng bộ tỉnh Điện Biên về xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 37 của Bộ chính trị...

đảng viên cùng tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới, vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, yên tâm, phấn khởi lao động sản xuất, phát triển kinh tế xoá đói giảm nghèo trên địa bàn huyện.

II. Công tác thể chế hóa các chủ trương của Nghị quyết tại địa phương

Để tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị và các văn bản của cấp trên, Huyện đã ban hành các Nghị quyết; Quyết định, kế hoạch chỉ đạo, triển khai thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng-an ninh trên địa bàn huyện. Cụ thể:

Nghị quyết của Đại hội và các Nghị quyết chuyên đề của BCH Đảng bộ huyện các khóa: Khóa XIX, nhiệm kỳ 2005-2010; khóa XX, nhiệm kỳ 2007-2012; khóa XXI, nhiệm kỳ 2010-2015 và khóa XXII, nhiệm kỳ 2015-2020.

Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội huyện Tuần Giáo giai đoạn 2011-2015, được phê duyệt tại Quyết định 478/QĐ-UBND ngày 14/9/2009; kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội huyện Tuần Giáo giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Quyết định 758/QĐ-UBND ngày 08/10/2014; kế hoạch phát triển đô thị huyện Tuần Giáo giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Quyết định 296/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; kế hoạch bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc huyện Tuần Giáo, gắn với phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định 293/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; kế hoạch phát triển nông, lâm nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định 298/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; kế hoạch phát triển nông, lâm nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định 298/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; kế hoạch phát triển nguồn nhân lực huyện Tuần Giáo đến năm 2020 được phê duyệt tại Quyết định 299/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm 2016-2020, được phê duyệt tại Quyết định 446/QĐ-UBND ngày 28/5/2015 và Quyết định 295/QĐ-UBND ngày 17/4/2017,...

Chương trình giảm nghèo bền vững huyện Tuần Giáo, giai đoạn 2016-2020, được phê duyệt tại Quyết định 291/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; chương trình phát triển du lịch huyện Tuần Giáo đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định 292/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ Quốc phòng-An ninh huyện Tuần Giáo, giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Quyết định 294/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Tuần Giáo giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Quyết định 297/QĐ-UBND ngày 17/4/2017,...

PHẦN II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 37-NQ/TW

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỦA NGHỊ QUYẾT 37-NQ/TW

I. Phát triển kinh tế

1. Tổng quan về phát triển kinh tế của địa phương (giai đoạn 2004-2020):

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân

Trong giai đoạn (2004-2020) thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW, nền kinh tế của huyện hàng năm tăng trưởng với tốc độ khá, phát triển theo xu hướng ổn định, bình quân đạt 8,8%/năm; trong đó: Giai đoạn 2004-2008 là 9,3%/năm; giai đoạn 2009-2013 là 10,1%/năm và giai đoạn 2015-2020 là 11,5%/năm.

1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế huyện trong giai đoạn (2004-2020) đã có những bước chuyển biến rõ nét và theo đúng định hướng:

- Giảm dần tỷ trọng của ngành nông, lâm, ngư nghiệp từ 31,3% năm 2004 xuống còn 26,45% năm 2020, trong đó: Giảm từ 31,3% giai đoạn 2004-2008 xuống 31,5% giai đoạn 2009-2013 và giảm xuống còn 26,45% năm 2020.

- Giảm dần tỷ trọng của ngành công nghiệp - xây dựng từ 60,5% năm 2004 xuống còn 32,33% năm 2020, trong đó: Giảm từ 58,5% giai đoạn 2004-2008 xuống 50,8% giai đoạn 2009-2013 và giảm xuống còn 32,33% năm 2020.

- Tăng ngành thương mại-dịch vụ từ 8,3% năm 2004 lên 41,22% năm 2020, trong đó: Tăng từ 9,6% giai đoạn 2004-2008 lên 17,7% giai đoạn 2009-2013 và lên 41,22% năm 2020.

1.3. Thu, chi ngân sách địa phương

- Có những bước phát triển khá, các chính sách được tận dụng phù hợp, góp phần khuyến khích sản xuất kinh doanh và tăng thu ngân sách. Tổng thu ngân sách trên địa bàn tăng đều theo từng năm phục vụ cho nhu cầu phát triển của địa phương, từ 2,996 tỷ đồng năm 2004 lên 56,3 tỷ đồng năm 2020, thu bình quân 22,6 tỷ đồng/năm.

- Chi ngân sách địa phương được quản lý và giám sát chặt chẽ, đảm bảo đáp ứng yêu cầu chi, ưu tiên chi đảm bảo các chế độ, con người, các chương trình kinh tế lớn và các chương trình mục tiêu phục vụ cộng đồng. Tổng chi ngân sách từ 77,99 tỷ đồng năm 2004 lên 1.075,5 tỷ đồng năm 2020, chi bình quân 428,9 tỷ đồng/năm.

2. Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp:

2.1 Tổng quan về thực trạng phát triển nông, lâm, ngư nghiệp của huyện giai đoạn 2004-2020:

- Tỷ trọng của ngành nông, lâm, ngư nghiệp trong nền kinh tế: Năm 2004 là 31,3% (Trong đó: *Nông nghiệp chiếm 27,1%; lâm nghiệp chiếm 3,8% và ngư nghiệp chiếm 0,4%*), đến năm 2020 giảm xuống còn 26,45%.

- Giá trị ngành nông, lâm, ngư nghiệp tăng dần từ 235,7 tỷ đồng năm 2004 lên 567,3 tỷ đồng năm 2020, bình quân mỗi năm đạt 455,7 tỷ đồng/năm.

2.2 Kết quả thực hiện các nhiệm vụ Nghị quyết 37 đề ra

2.1.1. Trồng trọt

- Trồng trọt vẫn là ngành sản xuất quan trọng của huyện và là ngành chính của nông nghiệp. Trong những năm qua ngành trồng trọt của huyện đã được định hướng

phát triển mạnh theo phương châm thâm canh tăng năng suất, tăng vụ, tăng hiệu quả kinh tế và luôn cải tiến phương thức sản xuất, áp dụng kỹ thuật mới, giống mới vào sản xuất.

- Trong sản xuất trồng trọt, sản xuất lương thực (trong đó chủ yếu là ngô và lúa) là những cây trồng được quan tâm phát triển nhằm đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn huyện: Diện tích gieo trồng tăng từ 9.327,48 ha năm 2004 lên 12.121,8 ha năm 2020, bình quân tăng 229,5 ha/năm; Sản lượng lương thực có hạt tăng từ 23.138,7 tấn năm 2004 lên 37.554,5 tấn năm 2020, bình quân tăng 961,6 tấn/năm (trong đó, sản lượng thóc tăng từ 13.637,2 tấn năm 2004 lên 19.497,2 tấn năm 2020, bình quân tăng 377,8 tấn/năm) giúp đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn huyện.

- Ngoài ra những sản phẩm cây trồng hàng năm tại huyện cũng tích cực chăm sóc góp phần nâng cao sản lượng, đồng thời rà soát nhằm mở rộng diện tích cây công nghiệp ngắn và dài ngày².

2.1.2. Chăn nuôi

Ngành chăn nuôi đang có xu hướng phát triển trở thành ngành mũi nhọn trong nông nghiệp của huyện. Sự phát triển của ngành chăn nuôi ngày càng phù hợp với cơ chế thị trường. Nhờ làm tốt công tác phòng trừ dịch bệnh, do đó đàn gia súc có chiều hướng tăng, duy trì tốc độ tăng đàn qua từng năm³. Tổng đàn gia súc đến năm 2020 đạt 95.770 con, tăng 38.059 con so với năm 2004, bình quân tăng 2.537 con/năm. Kết quả thực hiện tái cơ cấu theo vùng và phương thức chăn nuôi: Vùng thấp bước đầu chuyển đổi dần từ phương thức chăn nuôi nông hộ sang phương thức chăn nuôi gia trại và bán công nghiệp. Thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất Chương 135, giai đoạn 2016-2018 thực hiện hỗ trợ 560 con trâu, bò sinh sản với tổng số hộ hưởng lợi 1.457 hộ.

2.1.3. Sản xuất lâm nghiệp

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã được triển khai tốt; duy trì việc khoanh nuôi bảo vệ và phòng chống cháy rừng. Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, tham gia trồng rừng, trồng cây phân tán, phát triển rừng sản xuất nhằm nâng độ che phủ rừng đạt 38% năm 2020. Các mô hình sản xuất lâm nghiệp đem lại hiệu quả kinh tế cao: Trồng cây dược liệu trồng dưới tán rừng: toàn huyện có 83,5 ha cây thảo quả, 180 ha sa nhân (*trồng ở các xã Tỏa Tình, Phình Sáng, Rạng Đông, Ta Ma*) cho thu nhập bình quân 50-100 triệu đồng/ha/năm. Mô hình cây táo mèo (*son tra*): tổng diện tích trên 206,1 ha (*tập trung chủ yếu tại xã Tỏa Tình, Tênh Phong*), trong đó diện tích đang cho thu hoạch quả ổn định 80 ha; sản

² Tổng diện tích cây cà phê năm 2020 là 525,6 ha, tăng 524,1 ha so với năm 2004; Triển khai dự án trồng cây cao su trên địa bàn toàn huyện đến năm 2020 đã đạt 1.320,3 ha. Thực hiện chủ trương của tỉnh, với điều kiện được đánh giá là phù hợp cho việc phát triển cây mắc ca trên địa bàn, tính đến thời điểm hiện tại, diện tích cây Mắc ca đã trồng được trên 1.400 ha.

³ Đàn trâu với tốc độ tăng đàn bình quân 3,2%/năm tăng từ 18.369 con năm 2004 lên 22.120 con năm 2020, tăng bình quân 250 con/năm; Đàn bò với tốc độ tăng đàn bình quân 6,0%/năm, tăng từ 4.574 con năm 2004 lên 8.750 con năm 2020, tăng bình quân 278 con/năm; Đàn lợn với tốc độ tăng đàn bình quân 4,4%/năm tăng từ 34.768 con năm 2004 lên 59.404 con năm 2020, tăng bình quân 2.008 con/năm.

lượng quả bình quân đạt 15-20 tấn/ha, hiệu quả kinh tế đạt từ 80-120 triệu đồng/ha/năm.

2.1.4. Ngư nghiệp

- Trong những năm qua, ngành thủy sản của huyện có nhiều tiến bộ và đạt hiệu quả khá. Sản lượng thủy sản tăng từ 124,5 tấn năm 2004 lên 265,5 tấn năm 2020.

- Thực tế cho thấy ngành thủy sản của huyện có quy mô nhỏ lẻ và phát triển chưa ổn định, vì vậy tiềm năng phát triển của ngành này là tương đối lớn. Thực hiện đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi để đáp ứng nhu cầu thị trường, giảm thiểu rủi ro (điển hình mô hình nuôi cá hồi, cá tầm sản xuất khép kín theo chuỗi tại xã Tân Phong do Công ty TNHH Sơn Hạnh đầu tư, thực hiện từ năm 2016, đến nay đơn vị đã đầu tư 20 bể, tổng diện tích mặt nước khoảng 1.000 m², đầu tư nuôi 17.000 cá hồi, 7.000 cá tầm đã cho thu hoạch 30 tấn/năm; hiện Công ty đã mở được 02 Nhà hàng kinh doanh Dịch vụ ở Thành phố Điện Biên Phủ và Tuần Giáo để chế biến và tiêu thụ sản phẩm cá hồi, cá tầm).

3. Phát triển công nghiệp

3.1. Tổng quan về thực trạng phát triển công nghiệp của huyện từ 2004 đến nay

- Tỷ trọng của ngành Công nghiệp trong nền kinh tế: Năm 2004 là 6,2%, đến năm 2020 tăng lên 13,3%.

- Giá trị ngành Công nghiệp tăng từ 47,1 tỷ đồng năm 2004 lên 408 tỷ đồng năm 2020, bình quân mỗi năm đạt 184,5 tỷ đồng.

3.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ Nghị quyết 37 đề ra

- Trong những năm gần đây sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, có những bước phát triển rõ rệt, một số sản phẩm chính của ngành sản xuất công nghiệp đều tăng cả về số lượng và chất lượng⁴.

- Tuy tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của huyện đạt khá, tuy nhiên các cơ sở sản xuất ngành công nghiệp chủ yếu có quy mô nhỏ, nghèo nàn, công nghiệp chế biến nông sản chưa phát triển mới dừng lại ở dạng sơ chế, quy mô nhỏ, sản lượng thấp, chủ yếu phục vụ nhu cầu địa phương. Sự phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp mang tính tự phát, thiếu quy hoạch.

4. Phát triển dịch vụ (du lịch, thương mại, tài chính - ngân hàng, xuất nhập khẩu...)

4.1. Tổng quan về thực trạng phát triển dịch vụ của địa phương từ 2004 đến nay

- Tỷ trọng của ngành thương mại - dịch vụ trong nền kinh tế: Năm 2004 là 8,3% (Trong đó: Thương mại chiếm 7,8%; dịch vụ chiếm 0,5%), đến năm 2020 tăng lên 41,22%.

- Giá trị ngành thương mại - dịch vụ tăng từ 62,3 tỷ đồng năm 2004 lên 954,8 tỷ đồng năm 2020, bình quân mỗi năm tăng 19,5 tỷ đồng.

4.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ Nghị quyết 37 đề ra

⁴ Năm 2020: Nước máy sản xuất 700.000 m³, đá khai thác 20.000 m³, gạch các loại 21 triệu viên.

Ngành thương mại - dịch vụ của huyện đã đạt được những thành tựu đáng kể được thể hiện ở quy mô và cơ cấu trong nền kinh tế. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng bình quân năm 2020 đạt 1.328,9 tỷ đồng, tăng 892,5 tỷ đồng so với năm 2004, bình quân tăng 59,5 tỷ đồng/năm.

4.2.1. Thương mại

Hạ tầng thương mại dịch vụ tiếp tục phát triển, thu hút được các thành phần kinh tế tham gia đầu tư đã tạo điều kiện thuận lợi cho dịch vụ thương mại phát triển mạnh mẽ rộng khắp, mạng lưới bán lẻ đến tận thôn bản, các loại vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng, các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống được đảm bảo; đến năm 2020, trên địa bàn huyện có 34 doanh nghiệp, 32 hợp tác xã và 765 hộ gia đình hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại.

4.2.2. Tài chính tín dụng ngân hàng

Mở rộng mạng lưới tín dụng ngân hàng đến các xã, trung tâm cụm xã, nâng cao hiệu quả của các hoạt động tín dụng ngân hàng, đáp ứng yêu cầu nguồn lực cho phát triển kinh tế⁵.

4.2.3. Vận tải

Được phát triển mở rộng về cả phạm vi, loại hình và số lượng phương tiện, đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất đời sống nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội.

4.2.4. Bưu chính viễn thông

Dịch vụ bưu chính viễn thông phát triển mạnh, cơ sở vật chất từng bước được hiện đại hóa, chất lượng dịch vụ được cải thiện đáng kể, phục vụ ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội và nhu cầu của nhân dân. Nhiều dịch vụ phát triển nhanh như số thuê bao điện thoại bình quân 15 năm đạt 51 thuê bao/100 người dân, số thuê bao Internet bình quân đạt 1,8 thuê bao/100 người dân.

Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 29/7/2016 về Chương trình hành động của BCH Đảng bộ huyện; Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 31/3/2017 của HĐND huyện; Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND huyện về việc ban hành Chương trình phát triển Du lịch huyện Tuần Giáo đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh phục vụ phát triển du lịch như: Cơ sở lưu trú, các nhà hàng, quán ăn, các điểm vui chơi giải trí thường xuyên được tuyên truyền và kiểm tra trong quá trình hoạt động kinh doanh về an toàn vệ sinh thực phẩm, an ninh trật tự, niêm yết giá bán, thái độ phục vụ nhằm uốn nắn, chấn chỉnh, xử lý để hoạt động kinh doanh đảm bảo yêu cầu phát triển du lịch trên địa bàn huyện.

⁵ Ngân hàng Chính sách xã hội có tổng dư nợ ước đạt 410 tỷ đồng, nợ quá hạn 450 triệu đồng, chiếm 0,1%/tổng dư nợ. Ngân hàng No&PTNT: Tổng dư nợ ước đạt 870 tỷ đồng, tổng nguồn vốn huy động ước đạt 400 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu 1% tổng dư nợ. Ngân hàng Bưu điện Liên Việt: Tổng dư nợ ước đạt 60 tỷ đồng, tổng nguồn vốn huy động ước đạt 40 tỷ đồng.

Tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân nêu cao ý thức trách nhiệm bảo vệ các công trình văn hoá công cộng, các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể. Đẩy mạnh tổ chức các lễ hội truyền thống, các lễ hội dòng họ Sên Bản, Sên Mường gắn với phát triển du lịch.

Năm 2004, mới có gần 1.000 lượt khách du lịch đến địa bàn, chủ yếu là du lịch khám phá, tự phát, nhỏ lẻ. Năm 2020, lượng khách du lịch trong và ngoài tỉnh đến thăm quan, thắng cảnh trên địa bàn huyện đạt trên 30.000 lượt người (khu sinh thái xã Tênh Phong, thác Mường Thín, đèo Pha Đin xã Tỏa Tinh...).

5. Kết quả thực hiện các chương trình, dự án nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế; bảo vệ và phát triển vốn rừng

Thực hiện có hiệu quả công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Chỉ đạo các đơn vị chức năng, các xã, thị trấn phối hợp tuyên truyền Luật Bảo vệ và phát triển rừng, tích cực vận động nhân dân quản lý, bảo vệ diện tích rừng hiện có, tổ chức ký cam kết quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, nâng độ che phủ rừng qua các năm; phối hợp với cơ quan chức năng triển khai, thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 12/2003/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về truy quét các tổ chức, cá nhân phá hoại rừng, ngăn chặn và xử lý kịp thời tình trạng vi phạm lâm luật.

II. Kết quả phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

1. Thực trạng công tác quy hoạch

- Ngành nông, lâm, ngư nghiệp: Quy hoạch, mở rộng diện tích trồng cây lương thực tại các xã có diện tích đất sản xuất nông nghiệp rộng như: Mường Mùn, Phình Sáng, Pú Xi, Rạng Đông.... Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản có năng suất, chất lượng cao phù hợp với nhu cầu thị trường tại các xã: Pú Nhung, Quài Tở, Quài Nưa, Quài Cang, Rạng Đông, ... Quy hoạch trồng, bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh những vùng đồi rừng kinh tế nhằm tăng độ che phủ của rừng và tăng thu nhập từ rừng cho nhân dân tại 19 xã, thị trấn. Hiện nay, huyện đang khuyến khích nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng có tính hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với thổ nhưỡng địa phương như: Cây cao su, cây cà phê.... ở một số xã: Mùn Chung, Mường Mùn, Nà Sáy, Quài Cang, Quài Nưa.

- Ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Phát huy nguồn nhân lực và nguồn nguyên liệu trong phát triển công nghiệp chế biến nông sản (chủ yếu là sơ chế) tại các xã, thị trấn như: Thị trấn Tuần Giáo, Quài Nưa, Mùn Chung...; Duy trì và phát triển các ngành nghề truyền thống của địa phương, các ngành tiểu thủ công nghiệp như: xay xát, dệt vải, đồ thổ cẩm, công cụ cầm tay.

- Ngành thương mại - dịch vụ: Phát triển mạng lưới chợ (nâng cấp, xây mới) tại trung tâm các xã, thị trấn: Chợ trung tâm thị trấn, Chiềng Sinh, Quài Nưa, Mùn Chung... từng bước nâng cao khối lượng hàng hóa lưu chuyển, tăng doanh số bán hàng và lao động tham gia.

2. Môi quan hệ trong quy hoạch hạ tầng giao thông, quy hoạch đô thị, quy hoạch cụm công nghiệp, quy hoạch xử lý rác

Thị trấn Tuần Giáo được xác định trong quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Điện Biên đến năm 2020, là đô thị hạt nhân có vai trò thúc đẩy kinh tế xã hội huyện Tuần Giáo và tỉnh Điện Biên. Hiện tại, thị trấn Tuần Giáo đã được phê duyệt quy hoạch chung giai đoạn đến năm 2030, thị trấn Tuần Giáo mở rộng thuộc 3 đơn vị hành chính: thị trấn Tuần Giáo, Quài Cang và Quài Tở. Từ đó đến nay khu trung tâm Thị trấn đã được đầu tư một phần cơ sở hạ tầng, đáp ứng một phần nhu cầu phát triển của thị trấn. Ngoài ra, khu trung tâm Thị trấn đã kết nối liên hệ vùng quy hoạch giữa đô thị với các vùng nông thôn mới của huyện như thị tứ Minh Thắng xã Quài Nưa, Huổi Lóng xã Mùn Chung. Đối với khu vực trung tâm Minh Thắng; Trung tâm Huổi Lóng là khu vực tập trung đông dân cư, nơi giao lưu hàng hóa của nhân dân các xã lân cận. Hiện tại hai khu trung tâm này đã bước đầu hình thành đô thị.

- Đường quốc lộ trên địa bàn huyện (Quốc lộ 279: Tuần Giáo - Điện Biên, Pá Uôn - Minh Thắng; Quốc lộ 6: Sơn La - Tuần Giáo, Tuần Giáo - Mường Lay) với tổng chiều dài là 82 km; Hiện nay, đang hoàn tất khâu cuối Dự án nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 279 Tuần Giáo - Điện Biên, Pá Uôn - Minh Thắng; Quốc lộ 6 (Sơn La-Tuần Giáo); Đang triển khai thực hiện Dự án sửa chữa thường xuyên Quốc lộ 6A (Tuần Giáo-Mường Lay).

- Đường đến trung tâm xã, liên xã với tổng chiều dài tăng thêm là 36,1 km.

- Đường đến trung tâm thôn bản với tổng chiều dài tăng thêm là 103,1 km.

- Năng lực tưới tiêu tăng thêm là 1.139,5 ha.

Trong đó: + Tưới tiêu cho ruộng 2 vụ là 626,7 ha.

+ Tưới tiêu cho ruộng 1 vụ là 512,8 ha.

- Năng lực cấp điện tăng thêm là 337,0 km.

Trong đó: + Lưới điện trung cao áp là 187,8 km.

+ Lưới điện hạ áp là 149,2 km.

- Năng lực cấp nước sạch tăng thêm là 859 m³.

3. Đầu tư xây dựng hạ tầng y tế, giáo dục và thiết chế văn hóa

Những năm qua, để nâng cao đời sống người dân, tỉnh, huyện đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách đầu tư phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao. Thiết chế văn hóa ở cơ sở cũng được chú trọng đầu tư xây dựng, góp phần phát triển mạnh mẽ phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao phục vụ tích cực các nhiệm vụ chính trị tại địa phương và nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân, đồng thời tuyên truyền nâng cao nhận thức của tầng lớp nhân dân về vai trò ý nghĩa của các thiết chế văn hóa gắn với việc đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

Năm 2004, toàn huyện có 01 nhà thư viện huyện; 01 nhà văn hóa huyện; 13 nhà văn hóa khối, bản. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án số 690/ĐA-UBND ngày 16/9/2014 về phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao và phát triển văn hóa nông thôn đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 trên địa bàn huyện Tuần Giáo. Đến năm 2020, toàn huyện có 01 nhà thư viện huyện; 01 nhà văn hóa huyện; 12 nhà văn hóa xã (tăng 12 nhà so với năm 2004); 57 nhà văn hóa bản, khối phố

(tăng 44 nhà so với năm 2004) theo quy mô nhà gỗ, nhà sàn, nhà cấp bốn, có sân chơi, khuôn viên, một số nhà có thiết bị hoạt động). Trong đó: Sửa chữa nhà thư viện huyện với kinh phí 1.040 triệu đồng; Sửa chữa, cải tạo mua sắm thiết bị nhà văn hóa huyện 549 triệu đồng; Sửa chữa Nhà thi đấu huyện 4.426,450 triệu đồng; Xây dựng mới 06 nhà văn hóa xã với tổng mức đầu tư 10.866,875 triệu đồng (Ngân sách trung ương, Chương trình mục tiêu, Bộ chỉ huy quân sự huyện, ngân sách địa phương); 44 nhà văn hóa khôi bản với tổng kinh phí 15.205,9 triệu đồng (gồm Ngân sách trung ương, Chương trình mục tiêu, ngân sách địa phương nhưng chủ yếu do nhân dân đóng góp).

- Đối với hạ tầng du lịch: Đến nay, các điểm di tích, danh lam thắng cảnh được xếp hạng của huyện gồm: Hang Thắm Khương, Hang động Há Chớ, Hang động Mùn Chung, hang Thắm Púa, di tích Đèo Pha Đin, Khu căn cứ cách mạng Pú Nhung bước đầu đã được đầu tư xây dựng và quản lý bảo vệ. Ngoài các di tích đã được xếp hạng, Phòng đã tham mưu cho UBND huyện Tuần Giáo đưa vào kế hoạch phát triển du lịch của huyện những điểm có tiềm năng như: Suối khoáng nóng Bản Sáng - xã Quài Cang, khu sinh thái Tênh Phong, thác Mường Thín kết hợp với bảo tồn văn hóa dân tộc để gắn với phát triển du lịch cộng đồng; phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cắm các biển chỉ dẫn tới các di tích, các địa danh du lịch trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy hoạch. Di tích khu căn cứ cách mạng Pú Nhung đã được đầu tư Khu tưởng niệm anh hùng Vừ A Dính và các anh hùng liệt sỹ xã Pú Nhung giai đoạn 1 với kinh phí 5 tỷ đồng.

- Xây dựng mới 2 phòng khám đa khoa khu vực và 3 trạm y tế xã.

- Xây dựng mới Trung tâm y tế huyện.

- Số phòng học kiên cố tăng thêm 167 phòng, với tổng diện tích là 6.012 m². Số phòng công vụ giáo viên kiên cố tăng thêm 74 phòng, với tổng diện tích là 1.332 m². Số phòng ở kiên cố cho học sinh nội trú dân nuôi tăng thêm 82 phòng, với tổng diện tích là 1.948 m².

- Xây dựng mới Đài phát thanh, truyền hình huyện.

- Bê tông hóa một số tuyến đường nội thị, thị trấn Tuần Giáo.

- Tuyên truyền, phổ biến, vận động sâu rộng trong nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước và tình về xây dựng nông thôn mới. Chỉ đạo lập đề án “Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020” huyện Tuần Giáo; mở 18 lớp tập huấn về xây dựng đề án nông thôn mới cấp xã cho 900 người. Tập trung thực hiện các tiêu chí, tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện việc xây dựng nông thôn mới. Đến 2015 ước đạt 100 % số xã được quy hoạch và phê duyệt đề án, trong đó 03 xã điểm xây dựng nông thôn mới và cả 3 xã đạt 7/19 tiêu chí, các xã còn lại đạt từ 3 - 4 tiêu chí. Giai đoạn 2010-2018 huyện Tuần Giáo đã có 01 xã (xã Quài Nưa) đạt 15 tiêu chí, đã được UBND tỉnh xét công nhận xã cơ bản đạt chuẩn xây dựng Nông thôn mới năm 2018. Có 05 xã đạt từ 10-14 tiêu chí (xã Quài Cang, Quài Tở, Mường Thín, Mường Mùn, Mùn Chung); có 12 xã đạt từ 5-9 tiêu chí (gồm xã: Chiềng Đông, Chiềng Sinh, Nà Sáy, Mường Khong, Tỏa Tinh, Pú Nhung, Rạng Đông, Phình Sáng, Ta Ma, Nà Tòng, Tênh Phong, Pú Xi).

III. Về phát triển văn hóa - xã hội

1. Phát triển văn hóa để nâng cao chất lượng và tạo chuyển biến rõ nét về văn hoá

Sự nghiệp văn hóa, thể thao, thông tin - truyền thông được quan tâm phát triển, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao đời sống văn hóa cơ sở. Các hoạt động văn hóa, thông tin, truyền thông bám sát nhiệm vụ chính trị, hướng về cơ sở, tạo sự chuyển biến tích cực trong đời sống văn hóa và tinh thần của nhân dân. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã góp phần quan trọng trong xây dựng đời sống chính trị, tư tưởng lành mạnh, thúc đẩy xóa đói, giảm nghèo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Đến năm 2020 huyện Tuần Giáo có 55% hộ gia đình toàn huyện được công nhận và giữ vững danh hiệu “Gia đình văn hóa”, 27,4% bản, khối phố được công nhận danh hiệu “Bản, khối phố văn hóa”, 97% cơ quan, đơn vị, trường học, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, 23,2% bản, khối phố có nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng, 02 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới và thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị. Toàn huyện có 57 nhà văn hóa khối bản và 6 nhà văn hóa xã. Duy trì hoạt động 60 CLB TDTT, 26% dân số toàn huyện tham gia tập luyện thể thao thường xuyên.

Xây dựng kế hoạch cụ thể và thực hiện có hiệu quả các hoạt động, nội dung về văn hóa-thông tin như: Thông tin cổ động, thông tin lưu động, chiếu bóng vùng cao, nếp sống mới,... đồng thời có chính sách phù hợp trong việc bảo tồn các di sản văn hóa, du lịch và phát huy các di tích lịch sử văn hóa⁶.

2. Phát triển giáo dục, đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Ngành Giáo dục-Đào tạo trong giai đoạn 2004-2020 được củng cố và phát triển, về cơ sở hạ tầng như số trường, phòng học xây dựng và số lượng học sinh và giáo viên tăng lên. Tính đến cuối năm 2020, toàn huyện có 74 trường⁷ với 26.684 học sinh⁸. Tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi đạt trên 90%. Hoàn thành phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi, duy trì và giữ vững PCGD Tiểu học, THCS. Tỷ lệ học sinh chuyển lớp, tốt nghiệp các cấp học đều đạt từ 95-100%. Đến hết năm 2018 có 53 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia. Đội ngũ cán bộ quản lý ngành giáo dục và giáo viên từng bước được chuẩn hóa về chuyên môn nghiệp vụ và được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận. Đến cuối năm 2018 các cấp học Mầm non, Tiểu học, THCS có 2.218 cán bộ, giáo viên và nhân viên, đội ngũ giáo viên từng bước đáp ứng đủ về số lượng và đồng bộ về cơ cấu bộ môn. Cơ sở vật chất trường học ngày

⁶ Tôn tạo khu căn cứ Cách mạng Pú Nhung; di tích khảo cổ Hang Thảm Khương, xã Chiềng Đông; di tích cấp tỉnh danh lam thắng cảnh Hang động Mùn Chung, xã Mùn Chung; bảo tồn điệu hát tung còn dân tộc Thái đen bản Chiềng Khoang - thị trấn Tuần Giáo; các lễ hội truyền thống ở Phình Sáng, Tỏa Tinh.

⁷ Trong đó: 26 trường Mầm non; 28 trường Tiểu học; 16 trường THCS; 3 trường THPT và 1 Trung tâm GDNN-GDTX.

⁸ Cụ thể: Mầm non: 314 nhóm, lớp với 8.322/8.338 trẻ, đạt 99,8% KH; Tiểu học: 426 lớp với 9.709/9.632 học sinh, đạt 100,8% KH; Trung học cơ sở: 202 lớp (tính cả lớp và học sinh THCS của trường THCS&THPT Quài Tở) với 6.622/6.650 học sinh, đạt 99,6% KH; Trung học phổ thông: 1.948/2.080 học sinh, đạt 93,7% KH (Trong đó: Trường THPT Mùn Chung có 347 học sinh; Trường THPT Tuần Giáo có 937 học sinh; Trường THCS&THPT Quài Tở có 316 học sinh; Trường PTDTNT: 348 học sinh); Trung tâm GDNN-GDTX: 83/145 học viên, đạt 57,2% KH.

càng được quan tâm tu bổ, xây dựng mới, tính đến hết năm 2020 toàn huyện có 957 phòng học (trong đó: 646 phòng kiên cố; 311 phòng bán kiên cố, phòng tạm); 247 phòng công vụ (trong đó: 45 phòng kiên cố 202 phòng bán kiên cố, phòng tạm); 209 phòng nội trú (trong đó: 77 phòng kiên cố 132 phòng bán kiên cố, phòng tạm).

Công tác đào tạo nghề, tạo việc làm cũng được huyện chú trọng quan tâm, bình quân trong giai đoạn 2004-2020 mỗi năm tạo việc làm cho 761 người. Đào tạo nghề theo chỉ tiêu của "Đề án 1956" mỗi năm đào tạo nghề được cho 908 người/năm, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 52,8% vào năm 2020. Xuất khẩu lao động từng bước được mở rộng và đang có xu hướng phát triển.

3. Phát triển y tế và nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân nhất là đồng bào dân tộc thiểu số

Toàn huyện có 1 trung tâm y tế, 3 phòng khám đa khoa khu vực, 2 đội chuyên khoa tuyến huyện và các trung tâm y tế xã đã góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, đặc biệt là các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa. Đến năm 2020: 19/19 trạm y tế có bác sĩ; 63,2% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; có 6,7 bác sĩ/1 vạn dân; có 27,4 giường/1 vạn dân; số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 85.429 người; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 15,8%.

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và kế hoạch hóa gia đình tiếp tục được tăng cường; không có dịch lớn xảy ra, các bệnh xã hội được khống chế; Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em được đặc biệt quan tâm, y tế cơ sở được củng cố phát triển. Thực hiện tốt chương trình y tế quốc gia như: Chương trình phòng chống sốt rét, lao, phong, HIV/AIDS, tiêm chủng mở rộng, vệ sinh an toàn thực phẩm...

Công tác dân số - KHHGD của huyện được quan tâm đúng mức và coi đó là nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội của huyện. Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành tốt chính sách về dân số - KHHGD. Tính đến cuối năm 2020, dân số toàn huyện là 89.625 người, mức giảm tỷ lệ sinh 2,4‰; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 16,6‰.

4. Công tác xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm và an sinh xã hội

Mức sống của nhân dân trên địa bàn huyện trong những năm gần đây được nâng lên, tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia mới) giảm từ 57,22% năm 2004 xuống còn 33,16 năm 2020. Thu nhập và mức sống của nhân dân trong huyện được cải thiện đáng kể, thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 32,5 triệu đồng/người/năm.

Thực hiện tốt các chính sách xã hội như chăm sóc người có công, gia đình thương binh liệt sỹ; bảo trợ xã hội; đẩy mạnh phong trào “đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn” dưới nhiều hình thức với nội dung phong phú, thiết thực, phù hợp với điều kiện mới.

5. Về khai thác tài nguyên

5.1. Tình hình tài nguyên, khoáng sản của địa phương

Huyện Tuần Giáo có diện tích tự nhiên là 113.542,27 ha (chiếm 11,87% diện tích tự nhiên của tỉnh Điện Biên). Trong đó:

- Diện tích đất nông nghiệp 99.301,74 ha (chiếm 87,46% tổng diện tích tự nhiên của huyện). Trong đó: đất trồng lúa 9.190,97 ha (chiếm 9,26% đất nông nghiệp); đất có rừng 38.636,93 ha (chiếm 38,91 % đất nông nghiệp) còn lại là các loại đất nông nghiệp khác.

- Diện tích đất phi nông nghiệp 1.984,05 ha (chiếm 1,75% tổng diện tích tự nhiên của huyện). Trong đó: diện tích đất ở 674,20 ha (chiếm 33,98 % đất phi nông nghiệp); đất xây dựng công trình sự nghiệp 55,98 ha (chiếm 2,82% đất phi nông nghiệp) còn lại là các loại đất phi nông nghiệp khác.

- Diện tích đất chưa sử dụng 12.256,48 ha (chiếm 10,79% diện tích tự nhiên của huyện).

- Khoáng sản trên địa bàn huyện chủ yếu là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và khoáng sản kim loại Chì, Kẽm tại xã Nà Tông.

5.2. Thực trạng công tác khai thác tài nguyên, khoáng sản tại địa phương

- Về khoáng sản kim loại: Quặng chì, kẽm tại khu vực bản Xá nhè, Pú Bó thuộc xã Mùn chung (nay thuộc xã Nà Tông) hiện nay đã được UBND tỉnh cấp phép khai và chế biến khoáng sản cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tuyên Huy và Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài nguyên tổ chức khai thác và chế biến:

+ Công ty TNHH Tuyên Huy được cấp phép khai thác và chế biến khoáng sản tại Quyết định số: 695/QĐ - UBND ngày 30 tháng 6 năm 2006 của UBND tỉnh Điện Biên; thời gian khai thác chế biến là 20 năm. Tổng diện tích đất được giao và cho thuê đất là 56 ha; Địa điểm khai thác Pú Bó xã Nà Tông. Hiện nay đang trong giai đoạn củng cố lại việc xây dựng cơ bản trụ sở, nhà máy chế biến, hầm mỏ...

+ Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài nguyên được cấp phép khai thác và chế biến khoáng sản tại Quyết định số 157/QĐ - UBND ngày 05/02/2008 của UBND tỉnh Điện Biên; thời gian khai thác chế biến là 18 năm (Giai đoạn I). Tổng diện tích đất được giao và cho thuê đất là 65 ha; Địa điểm khai thác bản Xá Nhè xã Nà Tông. Hiện đang ngừng hoạt động.

- Về khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường: Trên địa bàn huyện có 01 mỏ đá của DNTN Đại Dương đang hoạt động theo Giấy phép số 19/GP-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên. Địa điểm khai thác tại bản Minh Thắng xã Quài Nưa có diện tích 2,41 ha, công suất 30.000 m³/năm, thời hạn khai thác 28 năm chuyên khai thác phục vụ cho nhu cầu xây dựng trên địa bàn. Trên địa bàn huyện hiện nay chưa có đơn vị nào được cấp phép khai thác và kinh doanh cát, sỏi. Tuy nhiên trên địa bàn huyện vẫn còn tình trạng khai thác cát, sỏi trái phép tại địa bàn một số xã như Nà Sáy, Chiềng Sinh, Chiềng Đông.

6. Về bảo vệ môi trường

Trong những năm qua, công tác bảo vệ môi trường nói chung và việc quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn nói riêng luôn được huyện thường xuyên

quan tâm, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các xã, thị trấn tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân trong việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, khuyến khích phân loại rác thải tại nguồn; phân rõ trách nhiệm cho các tổ chức đoàn thể, cá nhân chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, giám sát nhằm thực hiện thường xuyên, có hiệu quả công tác vệ sinh môi trường, thu gom xử lý rác thải; tổ chức, phát động các phong trào vì môi trường xanh, sạch, đẹp; định kỳ ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường, thu gom rác thải đồng loạt, nhất là tại các khu vực công cộng, các tuyến đường giao thông nhằm chấm dứt tình trạng rác thải ứ đọng gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường; đồng thời thiết kế, cắm biển “cấm đổ rác” tại các khu vực công cộng, khu vực ven đường, ven sông, suối, chân cầu, cống; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong trường hợp để xảy ra ô nhiễm môi trường do chất thải rắn sinh hoạt; đồng thời có biện pháp xử lý đối với hiện tượng vứt, thải, bỏ rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định theo quy định.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức và pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện các chương trình phối hợp hành động bảo vệ môi trường phục vụ phát triển bền vững; hướng dẫn, kiểm tra UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường hưởng ứng Ngày môi trường thế giới và Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn; chỉ đạo các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đồng loạt ra quân vệ sinh đường làng ngõ xóm, thu gom, vận chuyển rác thải về nơi qui định; khơi thông cống rãnh; phát quang bụi rậm. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất kinh doanh, các nguồn phát sinh chất thải trên địa bàn, từ đó kịp thời nhắc nhở các cơ sở không để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường và không vi phạm pháp luật về quản lý chất thải.

IV. Về đầu tư phát triển khoa học, công nghệ

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước: Hầu hết các cơ quan quản lý nhà nước đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác; ở cấp xã đã được trang bị, song khai thác sử dụng còn hạn chế. Toàn huyện có 3 máy chủ, 120 máy bàn và 46 máy xách tay; tỷ lệ máy tính/cán bộ CCVC trong các cơ quan nhà nước là 98,2%. 100% các cơ quan nhà nước có mạng LAN, kết nối Internet băng thông rộng; 100% các xã thị trấn được kết nối internet băng thông rộng phục vụ công tác. Tỷ lệ cán bộ CCVC thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc ở cấp huyện đạt 90%, cấp xã đạt 23%. Công thông tin điện tử của UBND huyện đi vào hoạt động, cung cấp 284 thủ tục hành chính (TTHC) cấp huyện, 140 TTHC phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Tuần Giáo giai đoạn 2016-2020. Tổ chức 02 đợt kiểm tra các hoạt động thông tin truyền thông ở cơ sở.

Công tác triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học tập trung chủ yếu vào ngành nông, lâm, ngư nghiệp, kết quả: Tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật, phòng trừ sâu bệnh nông-lâm-ngư nghiệp cho 19 xã, thị trấn trong huyện thu hút được đông đảo nhân dân tham gia. Phối hợp với các chương trình, dự án để thực hiện nhiệm vụ chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nhân dân. Khảo sát, xây dựng các mô hình

sản xuất áp dụng khoa học kỹ thuật như: Tổ chức triển khai thực hiện các mô hình: Ngô lai; trồng xen cây cà phê và cây đậu tương vào mô hình trồng cây mắc ca; nhân chín muộn xen vào ngô; Trồng xen cỏ chăn nuôi vào mô hình cây sơn tra. Nuôi cá rô phi đơn tính, gà an toàn sinh học.... Từ đó, nhân rộng các mô hình đã được thực hiện, nghiệm thu đạt hiệu quả kinh tế cao, ra diện rộng trên địa bàn huyện.

V. Về quốc phòng, an ninh

Trong những năm qua công tác quốc phòng an ninh thường xuyên được huyện quan tâm củng cố, luôn đảm bảo giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường khối đoàn kết dân tộc.

Công tác quân sự quốc phòng địa phương: Thực hiện tốt công tác xây dựng và huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ, công tác diễn tập trật tự trị an ở các xã và công tác giáo dục quốc phòng cho các đối tượng và học sinh theo kế hoạch. Hằng năm huyện đều hoàn thành công tác tuyển quân.

Công tác bảo vệ an ninh trật tự: Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được ổn định và giữ vững. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc và toàn dân tham gia phòng chống tội phạm tiếp tục được triển khai hiệu quả. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền kết hợp với công tác tuần tra kiểm soát xử lý vi phạm về an toàn giao thông, hạn chế tối thiểu các vụ tai nạn xảy ra. Tăng cường công tác phòng chống cháy nổ, công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công tác quản lý hộ tịch, hộ khẩu. Tiếp tục vận động nhân dân không học và truyền đạo trái pháp luật, không tái trồng cây thuốc phiện. Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ; chỉ đạo, tổ chức tốt công tác nắm bắt tình hình và xác minh, kết luận sớm những vấn đề liên quan đến chính trị nội bộ, góp phần tích cực vào nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn.

1. Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị các cấp, xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh.

2. Nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ

3. Chính sách, chế độ đào tạo, bồi dưỡng, điều động, sử dụng, luân chuyển cán bộ

4. Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp

B. ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. Thành tựu cơ bản

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo học tập, quán triệt Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị được các cấp ủy Đảng, chính quyền tại địa phương thực hiện nghiêm túc, kịp thời, sâu rộng; quá trình triển khai thực hiện, các cấp ủy Đảng, chính quyền đã thường xuyên đôn đốc việc triển khai thực hiện, bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định. Nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức... về tầm quan trọng của công tác lý luận và giáo dục lý tưởng chính trị được nâng lên, góp phần đưa tinh thần Nghị quyết 37-NQ/TW đi vào cuộc sống, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp đề ra.

- Trong thời kỳ 2004-2020 nền kinh tế của huyện đã có bước phát triển khá, đặc biệt trong những năm gần đây. Kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tích cực, giá trị sản xuất của công nghiệp - xây dựng và dịch vụ đã tăng nhanh qua từng năm, nông nghiệp đã giảm dần, đời sống của người dân ngày càng được cải thiện, nâng lên.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2020 đạt 37.554,5 tấn. An ninh lương thực được đảm bảo, lương thực bình quân đầu người đạt 419kg/người/năm. Sản xuất bước đầu chuyển dịch theo hướng phát triển các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực như chè, chăn nuôi gia súc, gia cầm địa phương theo phương thức an toàn bền vững gắn với nâng cao hiệu quả kinh tế; kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất từng bước được củng cố; khoa học, công nghệ, cơ giới hóa được đẩy mạnh áp dụng trong sản xuất, bảo quản, chế biến. Bảo vệ và phát triển diện tích rừng hiện có, nâng độ che phủ rừng của huyện lên 38% năm 2020.

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển mạnh nhất là trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế; khuyến khích phát triển các cơ sở sản xuất gạch không nung, duy trì công nghiệp chế biến, sản xuất nước và nông cụ cầm tay và các làng nghề truyền thống; triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến công, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho nhân dân.

- Thương mại, dịch vụ trong thời gian qua đã phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng. Hàng năm huyện đã tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, tiếp thị, quảng bá sản phẩm; tổ chức Hội chợ, duy trì hoạt động các Chợ phiên, mở Chợ tại các xã có điều kiện theo Quy hoạch xây dựng nông thôn mới...

- Hạ tầng kinh tế - xã hội có bước chuyển biến mạnh, huyện đã tranh thủ được nguồn vốn của Trung ương và của tỉnh để phục vụ xây dựng một số công trình dự án. Hệ thống các công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật từng bước được đầu tư xây dựng nhằm đảm bảo giao thông đi lại, nước tưới cho sản xuất nông nghiệp và phục vụ dân sinh, tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh ngày càng tăng; giao thông nông thôn được đẩy mạnh, làm thay đổi bộ mặt nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân...

- Công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn đã dần đi vào nề nếp; việc phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với lĩnh vực tài nguyên, khoáng sản được bảo đảm, chặt chẽ; việc phát hiện, xử lý vi phạm đối với các hành vi khai thác tài nguyên, khoáng sản trái phép kịp thời và xử lý nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật. Công tác bảo vệ môi trường bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, từ đó từng bước thay đổi hành vi, phong tục tập quán gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, bảo vệ tài nguyên, cải thiện môi trường sống.

- Các hoạt động văn hóa - xã hội và đời sống nhân dân được đẩy mạnh và cải thiện không ngừng. Công tác giáo dục phát triển mạnh cả về quy mô và chất lượng, huyện luôn giữ vững danh hiệu chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Các ngành văn hóa, thông tin đã được đẩy mạnh và phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao, về cơ bản trên toàn huyện không còn hộ đói.

- Công tác quốc phòng-an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho quá trình triển khai, tổ chức thực hiện các mục tiêu về kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa XXII đã đề ra. Hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở được củng cố, vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng được nâng cao, các tổ chức đoàn thể quần chúng đã được củng cố và kiện toàn vững chắc.

II. Tồn tại, hạn chế, yếu kém

1. Về phát triển kinh tế

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo để chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá còn chậm và lúng túng. Tiềm năng về đất đai, lao động, ngành nghề truyền thống chậm được khai thác và phát huy hiệu quả. Việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế và gặp nhiều khó khăn;

- Đối với nông lâm nghiệp: tiềm năng để phát triển không lớn ngoài đất đai và lao động nhưng lại khai thác sử dụng chưa hợp lý, trong chăn nuôi hình thức chăn nuôi chủ yếu là: tận dụng chăn thả tự nhiên. Nhìn chung trình độ thâm canh trong sản xuất nông nghiệp còn thấp, sản xuất mang nặng tính tự cấp, tự túc, lượng nông sản hàng hoá còn nhỏ và thiếu thị trường tiêu thụ;

- Đối với công nghiệp-xây dựng: Quy mô còn nhỏ, khả năng thu hút đầu tư cho ngành này rất khó khăn. Sự chuyển dịch cơ cấu trong ngành không rõ nét, thiếu quy hoạch và thiếu bền vững. Về xây dựng có tăng trưởng khá nhưng chủ yếu do đầu tư từ ngân sách;

- Đối với dịch vụ-thương mại: Kém phát triển, tỷ trọng dịch vụ-thương mại trong cơ cấu kinh tế thấp cho dù tốc độ tăng trưởng có cao. Trong những lợi thế để phát triển dịch vụ-thương mại thì du lịch được coi là có tiềm năng nhưng ngành du lịch lại chưa phát triển, gần như còn ỉn trong tiềm năng.

2. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch

Công tác xây dựng, quản lý và thực hiện 1 số quy hoạch như quy hoạch chi tiết thị trấn, quy hoạch đất đai, quy hoạch vùng sản xuất hàng hoá, quy hoạch khoanh nuôi bảo vệ rừng và trồng rừng kinh tế, quy hoạch đô thị...còn yếu và lúng túng. Việc vi phạm các quy hoạch đô thị, quy hoạch đất đai; tình trạng phá rừng, khai thác gỗ trái phép và những vi phạm các quy định về bảo vệ rừng vẫn thường xuyên xảy ra. Việc giao đất và giao rừng hiệu quả còn thấp,.

3. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội đã được quan tâm đầu tư, tuy nhiên vẫn còn lạc hậu. Hệ thống đường giao thông chưa được hoàn chỉnh, một số tuyến đường đến trung tâm các xã vẫn là đường cấp phối chưa được nhựa hóa (toàn huyện vẫn còn hơn 19 km đường cấp phối), vẫn còn trên một số hộ dân trên địa bàn chưa được sử dụng điện. Tình trạng thiếu nước sinh hoạt và đất sản xuất đang là vấn đề bức xúc hiện nay, cơ sở vật chất trường học, nhà ở cho giáo viên, trụ sở làm việc của một số đơn vị đang thiếu và một số bị xuống cấp cần được nâng cấp, sửa chữa. Việc triển khai một số chương trình dự án đầu tư tiến độ còn chậm nhất là trong khâu đền bù, giải phóng

mặt bằng, công tác chỉ đạo, điều hành thiếu chặt chẽ, chất lượng một số công trình xây dựng ở xã, bản còn thấp...

4. Về phát triển văn hóa, xã hội

Công tác tuyên truyền triển khai thực hiện Nghị quyết có nỗ lực nhưng sự phối hợp giữa các ngành chức năng trong công tác triển khai thực hiện đôi khi còn bị động, thiếu nhất quán trong việc triển khai thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được quy định. Một số nét bản sắc văn hoá truyền thống của các dân tộc không được lưu giữ, phục dựng trong nhân dân có nguy cơ mai một. Một số di sản văn hóa đang đứng trước nguy cơ mai một cần phải bảo tồn. Hệ thống thiết chế văn hóa và công tác quản lý thiết chế văn hóa vẫn còn nhiều bất cập. Nguồn lực đầu tư vào du lịch còn hạn hẹp, sản phẩm du lịch chưa đặc sắc và đa dạng. Cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch còn nhiều khó khăn. Tiến độ phổ cập trung học cơ sở còn chậm, chất lượng giáo dục còn bất cập so với yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục hiện nay. Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh còn thiếu, chưa đồng bộ. Một số phong tục tập quán lạc hậu, cùng một số tệ nạn xã hội còn tồn tại trên địa bàn huyện.

5. Về khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường

Trong những năm qua, tình trạng khai thác khoáng sản trái phép vẫn diễn ra trên địa bàn huyện, chủ yếu là khai thác cát, sỏi (nhỏ lẻ), đá làm vật liệu xây dựng thông thường, việc khai thác không xảy ra thường xuyên, liên tục tại một vị trí mà xảy ra vào các thời điểm khác nhau (ngoài giờ hành chính, ngày nghỉ, ngày lễ, ngày tết) dẫn đến gặp nhiều khó khăn trong công tác kiểm tra, xử lý vi phạm. Công tác bảo vệ môi trường, tuy đã được quan tâm triển khai thực hiện song vẫn còn một số tồn tại như: Tỷ lệ thu gom rác thải rắn không vực nông thôn chưa cao, chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung,...

6. Về phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ

Việc phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất trên địa bàn còn nhiều hạn chế,...

7. Về quốc phòng-an ninh

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ chính trị (khoá IX) về phương hướng phát triển kinh tế, xã hội và đảm bảo Quốc phòng, An ninh vùng trung du và miền bắc có lúc, có nơi còn chưa rõ nét trên một số lĩnh vực công tác chuyên môn. Nhận thức của một số cán bộ Đảng viên về Nghị quyết 37-NQ/TW còn chưa sâu sắc. Quốc phòng- an ninh huyện còn tiềm ẩn những yếu tố có thể gây mất ổn định về trật tự an toàn xã hội. Tội phạm và tình hình tai nạn giao thông còn diễn biến phức tạp. Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật còn hạn chế.

8. Về xây dựng hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc

Cải cách hành chính trong các cơ quan nhà nước không đồng bộ, hiệu quả chưa cao, tác động của cải cách hành chính đối với việc đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

III. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại, yếu kém

1. Nguyên nhân khách quan

- Là một huyện vùng cao đặc biệt khó khăn, kinh tế chưa phát triển, điểm xuất phát về kinh tế là quá thấp so với mặt bằng chung của cả nước. Nền kinh tế chủ yếu phụ thuộc vào nông lâm nghiệp, kinh tế mang tính tự cung và tự cấp, công nghiệp, dịch vụ chưa phát triển.

- Địa hình hiểm trở, tài nguyên khoáng sản có ít, chất lượng khoáng sản không cao. Điều đó đã hạn chế môi trường đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài huyện. Quản lý khai thác tài nguyên và vốn đầu tư còn nhiều bất cập.

- Giao thông đi lại còn khó khăn, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật của các ngành vừa thiếu vừa lạc hậu về thể hệ thiết bị.

- Tập quán canh tác cũ của nông dân còn nặng nề. Sự tiếp cận với khoa học kỹ thuật còn hạn chế. Tình trạng di dân tự do chưa được khắc phục một cách triệt để. Ý thức trách nhiệm của người dân còn yếu, còn ỉ lại trông chờ vào sự trợ giúp của Nhà nước. Trình độ dân trí thấp là lực cản rất lớn trên bước đường phát triển, năng lực của một số cán bộ còn hạn chế, nhất là cán bộ cấp cơ sở.

- Công tác kiểm tra, đôn đốc, việc thực hiện ở cơ sở chưa thường xuyên, quy chế dân chủ ở cơ sở chưa được thực hiện một cách nghiêm túc, việc đấu tranh tự phê bình và phê bình trong Đảng còn bị coi nhẹ, một bộ phận cán bộ, Đảng viên thiếu gương mẫu.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Việc tuyên truyền phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước chưa thường xuyên, hình thức tuyên truyền chưa phù hợp với nhận thức của người dân, hiệu quả tuyên truyền chưa cao.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện quy hoạch, cơ chế, chính sách đã ban hành chưa thực sự quyết liệt, sâu sát. Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền cơ sở còn hạn chế, chưa phát huy vai trò, trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt chỉ đạo việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng chất lượng, giá trị; chưa định hướng rõ cây trồng, vật nuôi chủ lực mang tính đột phá, chưa tạo được sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh cao.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo lập và triển khai thực hiện sản xuất theo quy hoạch chưa được quan tâm; chuyển giao tiên bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất chưa thực sự hiệu quả. Chưa có cơ chế, chính sách đặc thù trong thu hút đầu tư phát triển sản xuất, chế biến, hỗ trợ doanh nghiệp. Vai trò của thành phần kinh tế tập thể chưa được phát huy.

- Tư duy của người dân chậm đổi mới, còn mang nặng tính sản xuất nhỏ, chưa chủ động tiếp cận với tiên bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất, đời sống đại bộ phận nông dân còn nghèo, trình độ dân trí không đồng đều, chưa chủ động trong phát triển sản xuất.

- Nhiều lao động nông thôn, nhất là lao động người dân tộc thiểu số có trình độ văn hoá thấp, chưa nhận thức đúng về lợi ích của học nghề nên chưa tham gia học nghề; nhiều lao động nông thôn do khó khăn về kinh tế, ở cách xa cơ sở dạy nghề nên chưa tham gia học nghề; chưa có định hướng cụ thể về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Kinh phí cho việc thực hiện phát triển văn hóa còn hạn hẹp; xã hội hóa các hoạt động văn hóa chưa hiệu quả và còn nhiều hạn chế. Chưa có chế độ, chính sách khuyến khích, động viên đối với các hoạt động đặc thù, đối với các nghệ nhân, diễn viên cơ sở tham gia các hoạt động văn hóa, bảo tồn văn hóa trên địa bàn.

- Kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất của huyện chưa đồng bộ, chưa khai thác hết tiềm năng, lợi thế về du lịch. Hoạt động du lịch còn manh mún, nhỏ lẻ, chưa có tính liên kết giữa các hoạt động và tính chuyên nghiệp còn hạn chế. Chưa có sản phẩm du lịch đặc trưng và đa dạng, công tác xã hội hóa công tác phát triển du lịch còn chậm.

- Sự phối hợp, nêu cao trách nhiệm giữa các phòng, ban chức năng và UBND các xã, thị trấn đôi khi còn chưa nhịp nhàng, sự thống nhất còn phải bàn nhiều lần, hiệu quả chưa được cao. Công tác theo dõi, đôn đốc, xử lý chưa được chú trọng thường xuyên, một số đơn vị được giao nguồn kinh phí để triển khai thực hiện nhưng thường xuyên báo cáo chậm hoặc báo cáo không đúng mẫu quy định gây khó khăn chung đến công tác tổng hợp báo cáo.

- Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền cơ sở và nhân dân đã có chuyển biến nhưng chưa sâu rộng, chưa thấy rõ vị trí, vai trò của phát triển văn hóa trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

IV. Bài học kinh nghiệm

- Việc quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết phải được chú trọng với hình thức phù hợp để vừa đảm bảo chủ trương của Nghị quyết được triển khai đến cơ sở song vẫn đảm bảo được tính bảo mật, muốn vậy trên cơ sở mục tiêu chung phải xây dựng thành các chương trình hành động nhỏ trên từng lĩnh vực để quán triệt đến cơ sở và tổ chức triển khai thực hiện. Quá trình tổ chức triển khai thực hiện phải huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, đảm bảo sự lãnh đạo chỉ đạo của các cấp ủy Đảng trong thực hiện chủ trương nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội gắn với các chương trình hành động của cấp ủy Đảng, Chính quyền.

- Xây dựng kế hoạch, làm tốt công tác phối kết hợp với các ngành chức năng, cấp ủy chính quyền các xã, thị trấn trong việc tuyên truyền các quy định về chủ trương đường lối của đảng, chính sách của đảng pháp luật của Nhà nước tới tất cả các tầng lớp nhân dân trên địa bàn để biết và thực hiện.

- Phải tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực hiệu quả của bộ máy Nhà nước để tổ chức thực hiện tốt hơn có hiệu quả hơn các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn. Thực hiện tốt nội quy, quy chế, quy chế văn hóa công sở; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để kịp thời chỉ đạo, uốn nắn và xử lý những hạn chế, vướng mắc; nghiêm túc thực hiện các cuộc thanh tra, kiểm tra của các cấp; làm tốt công tác quản lý sau thanh tra; Làm tốt công tác thi đua khen thưởng, kịp thời biểu dương, khen thưởng những đồng chí có nhiều thành tích.

- Cần nhận thức đúng vai trò của Nghị quyết trong sự nghiệp công nghiệp hoá-hiện đại hoá đất nước, vận dụng linh hoạt nghị quyết vào điều kiện thực tế của địa phương, thường xuyên phối hợp chặt chẽ giữa các đoàn thể, các cơ quan, các ngành trên địa bàn tăng cường kiểm tra đôn đốc thực hiện các Chính sách bảo tồn và phát

huy các giá trị văn hóa dân tộc, đúc rút kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành, tranh thủ sự giúp đỡ của các ban ngành của tỉnh, của Trung ương ở địa phương. Xây dựng đội ngũ công chức, viên chức làm công tác văn hóa có năng lực, nhiệt huyết, có trình độ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đặc biệt quan tâm đến vai trò của yếu tố gia đình, dòng họ, dân tộc, cộng đồng thôn, bản, nghệ nhân dân gian, những người am hiểu và nắm giữ di sản văn hóa các dân tộc.

- Phát triển kinh tế phải đồng bộ với việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế cơ cấu lao động và cơ cấu dân cư, phát huy khai thác có hiệu quả tiềm năng lợi thế cho phát triển. Kết hợp tốt hơn trong phát triển kinh tế với xoá đói giảm nghèo, cải thiện môi trường sinh thái, giải quyết có hiệu quả các vấn đề bức xúc xã hội. Tích cực hơn, chủ động hơn trong việc tìm kiếm, thu hút các nguồn lực đầu tư từ các thành phần kinh tế, đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa, xoá bỏ tình trạng tự túc, tự cấp của đồng bào vùng cao, góp phần thay đổi căn bản đời sống nhân dân, cải thiện dân trí.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều loại hình, vận dụng sáng tạo, linh hoạt vào mọi tình huống, mọi địa bàn, mọi dân tộc, xây dựng các mô hình điểm trong thực hiện Nghị quyết đề nhân rộng ra trên địa bàn toàn huyện, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đấu tranh đẩy lùi các tệ nạn xã hội, đảm bảo trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

PHẦN III

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CỦA ĐỊA PHƯƠNG NHẪM PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG-AN NINH ĐỊA PHƯƠNG VÀ VÙNG TRUNG DU

VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ ĐẾN 2030, TẦM NHÌN 2045

A. DỰ BÁO BỐI CẢNH VÀ THÁCH THỨC

I. Dự báo tình hình

- Trong những năm qua cả nước nói chung, Điện Biên nói riêng đã bước vào thực hiện công cuộc phát triển kinh tế-xã hội, công nghiệp hoá-hiện đại hoá với những khả năng và vận hội mới lớn hơn nhiều so với nhiều năm trước đó, đồng thời cũng đứng trước những thử thách gay gắt hơn trong bối cảnh quốc tế và khu vực với sự phát triển của khoa học và công nghệ đặc biệt là cuộc cách mạng 4.0 có tác dụng thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế thế giới, đem lại năng suất lao động tăng vọt. Trong xu thế chung đó, các nước công nghiệp phát triển có xu hướng chuyển sang cơ cấu kinh tế hiện đại với những ngành công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng và công nghệ sạch. Đồng thời, chuyển giao những ngành sử dụng nhiều lao động, có khả năng gây ô nhiễm, đòi hỏi nhiều năng lượng sang các nước đang phát triển. Chính trong điều kiện phức tạp đó, chúng ta cần chú ý lựa chọn công nghệ thích hợp, đồng thời tranh thủ những lĩnh vực có điều kiện sớm đi nhanh vào công nghệ hiện đại nhất, gắn với việc sử dụng có hiệu quả năng lực nội sinh của mình. Mặt khác, cần có những tính toán cụ thể để phát huy tối đa những lợi thế so sánh về tài nguyên thiên nhiên, lao động, giá nhân công, khả năng đất xây dựng;

- Xu thế chung của các quan hệ kinh tế quốc tế trong 10-15 năm tới đó là: vừa hợp tác cạnh tranh, vừa tìm cách thâm nhập vào thị trường mới, vừa hướng vào bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và quyền lợi quốc gia. Các trung tâm kinh tế lớn của thế giới đã hình thành ở từng khu vực cụ thể như: Khu vực Bắc Mỹ, khu vực Đông Á, khu vực EU, Đông Nam Á, Đông Bắc Á. Xu hướng hội nhập kinh tế đang trở thành nhu cầu đối với mỗi quốc gia trên thế giới, nhất là đối với các nước đang phát triển. Hiện nay, Việt Nam đã chính thức là thành viên của tổ chức thương mại thế giới (WTO) và nhiều tổ chức thương mại khác. Trước bối cảnh đó, việc xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam, của Điện Biên nói chung và Tuần Giáo nói riêng đang đứng trước những cơ hội và thách thức mới đó là: Được tiếp cận với thị trường hàng hoá và dịch vụ ở tất cả các nước thành viên với mức thuế đã được cắt giảm; có điều kiện để mở rộng thị trường xuất khẩu với nhiều mặt hàng khác nhau trên nhiều thị trường khác nhau; được bình đẳng như các thành viên khác trong việc hoạch định chính sách thương mại toàn cầu... Tuy nhiên, nền kinh tế của chúng ta cũng phải chịu nhiều sức ép trên các phương diện như: Cạnh tranh, phân phối lợi ích, bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh quốc gia....

- Khu vực Tây Bắc Việt Nam, Bắc Lào và Tây Nam Trung Quốc hiện vẫn đang là các khu vực chậm phát triển nhất của mỗi quốc gia nên quan hệ giao lưu thương mại song phương trong khu vực còn rất khiêm tốn. Các mặt hàng buôn bán giữa các tỉnh trong khu vực vẫn chỉ đơn thuần là các loại nông lâm sản, khoáng sản thô và một số hàng hoá tiêu dùng với số lượng nhỏ. Tuy nhiên, tiềm năng về thị trường của khu vực này rất lớn, đặc biệt là các khu vực phía Nam và phía Tây Nam Trung Quốc. Đây là những cơ sở vững chắc để Điện Biên nói chung và Tuần Giáo nói riêng đầu tư mở rộng sản xuất các mặt hàng xuất khẩu chủ lực trong thời kỳ tới.

- Thực hiện công cuộc đổi mới, nền kinh tế nước ta ngày càng có cơ hội hoà nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới. Điều đó mở ra khả năng mới để nước ta nói chung, tỉnh Điện Biên và huyện Tuần Giáo nói riêng trao đổi hàng hoá với các nước, đặc biệt là khu vực phía Nam và Tây Nam Trung Quốc, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế. Tranh thủ các thời cơ thuận lợi, cần tận dụng cơ hội này để đẩy mạnh quan hệ với bên ngoài, nhất là về hợp tác, đầu tư sản xuất hàng hoá nông sản xuất khẩu.

II. Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của huyện

1. Điểm mạnh và cơ hội phát triển.

- Tuần Giáo có điều kiện về thời tiết tương đối phù hợp với một số cây trồng có giá trị kinh tế cao như: Mắc ca, cà phê, cao su, thảo quả, cây dược liệu và một số rau thực phẩm khác.

- Với diện tích lòng hồ của các thủy điện như: Long Tạo, Nậm Pay, Nậm Mu 2, Mùn Chung 2,.. Tuần Giáo sẽ có nhiều lợi thế để khai thác vùng lòng hồ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội như: Phát triển du lịch đường thủy, xây dựng cảng đường sông, phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

- Những thành tựu đạt được và những bài học kinh nghiệm qua 17 năm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phát triển kinh tế xã hội là những điều kiện và tiền đề hết sức

quan trọng giúp cho Tuần Giáo bước vào giai đoạn phát triển mới với tốc độ cao hơn và bền vững hơn.

- Đảng và nhà nước tiếp tục có chủ trương chính sách chính sách về ưu tiên phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh đối với khu vực vùng cao biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Được sự quan tâm thường xuyên của lãnh đạo tỉnh Điện Biên, cùng các sở, ban ngành tỉnh trong việc phát triển kinh tế-xã hội và quốc phòng-an ninh.

- Có đường lối, chủ trương chính sách đúng đắn của Đảng và nhà nước, đồng thời Đảng bộ chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện có truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng và tinh thần đoàn kết, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, ý chí vượt khó của toàn Đảng bộ và nhân dân trong huyện.

2. Những điểm yếu và thách thức.

- Xuất phát điểm của nền kinh tế còn thấp với quy mô nhỏ bé, thu nhập và đời sống của người dân ở huyện còn có sự chênh lệch khá cao so với mức bình quân chung của tỉnh Điện Biên. Nền kinh tế đã có tốc độ tăng trưởng khá, tuy nhiên chất lượng của tăng trưởng không cao, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, sản xuất còn mang tính tự cung tự cấp, trình độ thâm canh còn thấp. Sản xuất hàng hoá chưa phát triển, khối lượng còn nhỏ bé, phân tán, xa cách thị trường và các trung tâm kinh tế lớn. Nguy cơ tụt hậu vẫn là một thách thức lớn của huyện.

- Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội tuy đã được tăng cường và cải thiện trong một số năm gần đây, song vẫn còn nhiều yếu kém. Địa hình bị chia cắt nhiều, giao thông đi lại hết sức khó khăn, tình trạng thiếu nước để phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân còn lớn. Môi trường đầu tư, khai thác tiềm năng còn nhiều hạn chế, đầu tư còn nhỏ bé, dàn trải, chưa tạo được nét đột phá trong phát triển kinh tế, nguồn ngân sách địa phương còn quá nhỏ, nguồn thu không đáng kể, chủ yếu dựa vào hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp.

- Dân cư phân tán, chủ yếu là dân tộc ít người sống bằng nghề sản xuất nông lâm nghiệp. Trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất và tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất và đời sống. Năng lực cán bộ cơ sở còn yếu và hạn chế nhiều mặt, lao động kỹ thuật trong các ngành kinh tế còn quá ít. Phong tục tập quán sản xuất và sinh hoạt của một bộ phận lớn dân cư còn lạc hậu, dễ bị lôi kéo, kích động, tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào bao cấp của người dân còn lớn, di dân tự do còn xảy ra ở một vài khu vực khác nhau trên địa bàn huyện.

- Thành phần kinh tế trên địa bàn chủ yếu là kinh tế hộ gia đình. Mặt bằng kinh tế, thu nhập tại từng xã, từng khu vực ở huyện cũng khác nhau, do vậy dễ gây nên sự cạnh tranh thiếu lành mạnh trong việc khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường, bên cạnh đó vấn đề thiên tai như lũ lụt, sạt lở, cháy rừng,... vẫn thường xuyên xảy ra trong thời gian qua.

B. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

I. Quan điểm

- Phát triển kinh tế-xã hội của huyện Tuần Giáo phải được đặt trong và gắn chặt với định hướng phát triển của tỉnh Điện Biên và vùng Trung du, miền núi Bắc Bộ (theo đúng tinh thần, quan điểm của Nghị quyết 37-NQ/TW). Phấn đấu nâng cao tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên cơ sở khai thác tối đa nguồn lực nội tại và nguồn lực đầu tư từ bên ngoài. Phát triển mạnh sản xuất nông lâm nghiệp hàng hoá, dịch vụ, công nghiệp chế biến làm nền tảng cho tăng trưởng kinh tế. Tập trung đầu tư xây dựng cải tạo, phát triển mạnh hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, thực hiện đầu tư trọng tâm, trọng điểm;

- Khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng và nguồn lực để phát triển kinh tế với một tốc độ tăng trưởng cao hơn và vững chắc hơn, trong đó trọng tâm là đẩy mạnh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá.

- Tăng trưởng kinh tế gắn liền với phát triển các mặt về văn hoá-xã hội. Kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Thực hiện tốt nhiệm vụ nâng cao dân trí, xoá đói giảm nghèo, cải thiện một bước căn bản đời sống nhân dân các dân tộc. Mở mang và nâng cao chất lượng sự nghiệp y tế, giáo dục. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc;

- Phát triển kinh tế phải được gắn với ổn định chính trị, tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh. Thực hiện chủ trương xây dựng và củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, lấy ổn định chính trị làm tiền đề để phát triển kinh tế xã hội, đồng thời lấy phát triển kinh tế để thúc đẩy tiến bộ xã hội, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong cộng đồng các dân tộc trên địa bàn huyện. Xây dựng và củng cố thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân;

- Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái. Trong đó nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng được coi là nhiệm vụ trọng tâm về môi trường trong giai đoạn đến năm 2030.

II. Mục tiêu địa phương

1 Mục tiêu tổng quát

Phát triển toàn diện và bền vững, xây dựng Tuần Giáo trở thành một huyện phát triển khá của tỉnh vào năm 2030 và là huyện phát triển của tỉnh vào năm 2045, có kinh tế vững mạnh, xã hội văn minh, môi trường sinh thái được bảo vệ, đảm bảo vững chắc an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội. Trên cơ sở đổi mới mô hình tăng trưởng để khai thác các tiềm năng, lợi thế của huyện.

Huy động tối đa các nguồn lực để phát triển, đặc biệt thu hút và sử dụng vốn đầu tư của nhân dân, các tổ chức cá nhân, doanh nghiệp có hiệu quả. Tập trung đầu tư có trọng điểm, xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị, gắn với phát triển toàn diện văn hóa, xã hội; xây dựng thương hiệu các sản phẩm chủ lực của vùng nhằm kinh doanh theo phương thức hàng hóa. Tích cực xoá đói giảm nghèo, đến 2045 trên địa bàn huyện không còn hộ nghèo.

2 Mục tiêu cụ thể đến 2030

2.1. Mục tiêu kinh tế.

Đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH-HĐH, khai thác mọi tiềm năng sẵn có và lợi thế của địa phương, phát huy nội lực đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ có hiệu quả từ bên ngoài. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Giảm dần tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ.

Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đến 2030:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế: 10%/năm.
- Cơ cấu kinh tế đến 2030:
 - + Ngành nông, lâm, ngư nghiệp: 15%.
 - + Ngành công nghiệp-xây dựng: 40%.
 - + Ngành thương mại-dịch vụ: 45%.
- Tổng sản lượng lương thực có hạt: 44.000 tấn.
- Tốc độ tăng đàn gia súc: 4,5%/năm.
- Tỷ lệ che phủ rừng: 48%.
- Nước máy sản xuất: 900.000m³.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ: 2.480 tỷ đồng.
- Tỷ lệ tăng thu ngân sách trên địa bàn: 25%/năm.
- Tổng vốn đầu tư phát triển: 2.600 tỷ đồng.

2.2 Mục tiêu văn hóa - xã hội.

Tạo sự chuyển biến rõ rệt về mặt xã hội, thực hiện dân chủ công bằng xã hội, trật tự, kỷ cương; xây dựng đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Một số chỉ tiêu văn hóa xã hội chủ yếu đến 2030:

- Dân số trung bình: 99.720 người.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: <15%0.
- Mức giảm tỷ lệ sinh: 0,7%0.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: >65%.
- Số lao động được tạo việc làm: 1.000 người/năm
- Tỷ lệ hộ nghèo: <10%
- Số bác sỹ/1 vạn dân: >10 bác sỹ.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng: <10%.
- Số giường bệnh/1 vạn dân: >40 giường.
- Tỷ lệ trạm xá xã có bác sỹ: 100%
- Tỷ lệ trạm y tế xã đạt tiêu chí quốc gia (theo tiêu chí mới): 100%.
- Tỷ lệ giáo viên tiểu học đạt chuẩn: 100%.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi đi học mẫu giáo: 100%.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: 100%.
- Tỷ lệ trường, lớp học được kiên cố hóa: >75%.
- Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa: >65%.
- Tỷ lệ bản, khối phố văn hóa: >50%.
- Bản, khối phố có nhà sinh hoạt cộng đồng: >40%.
- Số di tích được tu bổ đến năm 2030: Đầu tư tu bổ từ 02 bản văn hóa truyền thống Dân tộc và 02 bản văn hóa - du lịch trở lên.

2.3. Đầu tư phát triển.

2.3.1. Hệ thống giao thông:

Giai đoạn đến năm 2030 tiếp tục đề nghị tỉnh, trung ương hỗ trợ nguồn lực để thực hiện bê tông, nhựa hóa các tuyến đường từ huyện đến trung tâm xã (Mường Khong, Pú Xi); cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã, liên bản theo quy hoạch với quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Phần đầu đến năm 2030; 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi được quanh năm; 65% số bản có đường ô tô đến trung tâm xã; trên 50% đường giao thông thôn bản được bê tông hoá.

2.3.2. Hệ thống thủy lợi:

Hoàn thiện, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi hiện có, kiên cố hóa hệ thống kênh mương, nhằm phát huy tối đa công suất thiết kế của các công trình đã đầu tư. Tập trung xây dựng hoàn thiện các công trình được tỉnh phê duyệt giai đoạn 2020 - 2023.

2.3.3. Phát triển hệ thống cấp điện:

Đầu tư xây dựng mới hệ thống đường điện trung thế; đường hạ thế, trạm biến áp cho các bản vùng sâu, vùng cao. Nâng tỷ lệ số hộ nông thôn được sử dụng điện đạt 100%.

2.3.4. Văn hóa-xã hội:

Tăng cường xây dựng hệ thống trường lớp, đầu tư hoàn chỉnh các hạng mục phụ trợ cho các trường, xây dựng các phòng học, phòng học chức năng, nhà ở, nhà bếp cho học sinh bán trú và nhà công vụ cho giáo viên đảm bảo đạt chuẩn về cơ sở vật chất theo yêu cầu kế hoạch của việc xây dựng trường chuẩn quốc gia.

Xây dựng điểm vui chơi cho thanh thiếu niên khu vực Thị trấn Tuần Giáo. Phần đầu 2-3 xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em.

2.4. Mục tiêu môi trường:

Phát triển bền vững trên cơ sở bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ tài nguyên rừng, từng bước khôi phục tài nguyên rừng kết hợp với việc áp dụng các biện pháp khoa học trong sản xuất nông lâm nghiệp. Nâng độ che phủ rừng lên 48% vào năm 2030.

Xây dựng hệ thống thoát nước thải, có biện pháp xử lý nước thải, chất thải tại thị trấn Tuần Giáo, khu đông dân cư, trung tâm y tế và các phòng khám đa khoa trên địa bàn huyện. Từng bước loại bỏ phong tục nuôi, nhốt gia súc dưới gầm sàn của người dân, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, không để dịch bệnh xảy ra. Tỷ lệ thu gom rác thải rắn ở

thị trấn Tuần Giáo đạt 100%; 100% các cơ sở y tế đạt tiêu chuẩn về xử lý chất thải rắn y tế.

2.5. An ninh-quốc phòng:

Xây dựng thế trận Quốc phòng toàn dân với hệ thống phòng thủ vững chắc từ huyện đến xã, thị trấn và các thôn bản đảm bảo tính cơ động, sẵn sàng chiến đấu, chủ động đối phó với mọi tình huống. Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội ở mỗi điểm dân cư, thôn bản. Cùng cố khối đoàn kết đồng bào các dân tộc.

Thực hiện tốt công tác giáo dục bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng, học sinh theo quy định. Tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật cho các lực lượng thực hiện chương trình phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, an toàn giao thông, tuyên truyền đạo trái phép.... Giải quyết triệt để, kịp thời những mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện trong nhân dân.

C. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CỦA ĐỊA PHƯƠNG

I. Phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng

1. Phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Phấn đấu đến năm 2030, nền kinh tế của huyện tăng trưởng với tốc độ cao, phát triển theo xu hướng ổn định, cơ cấu kinh tế huyện có những bước chuyển biến rõ nét và theo đúng định hướng: Giảm dần tỷ trọng của ngành nông, lâm, ngư nghiệp, xây dựng; tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp và ngành thương mại-dịch vụ.

Thực hiện tốt chính sách khuyến công, khuyến khích các cơ sở sản xuất đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường, sản phẩm. Tiếp tục đôn đốc, chỉ đạo quyết liệt các cơ quan, đơn vị thường xuyên nắm bắt tình hình các dự án được khởi công mới trong năm và hoạt động của các dự án đã hoàn thành để kịp thời có các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đẩy nhanh tiến độ và phát huy hiệu quả sau đầu tư. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng các công trình và vai trò giám sát của cộng đồng, ý thức, trách nhiệm của người dân trong quá trình xây dựng, quản lý và sử dụng công trình.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời những mặt hàng thiết yếu cho nhân dân. Tăng cường kiểm tra chất lượng hàng hoá, vệ sinh an toàn thực phẩm, chống buôn lậu, gian lận thương mại, bảo vệ quyền lợi cho người sản xuất và tiêu dùng. Thực hiện tốt quản lý thu ngân sách trên địa bàn, tích cực đôn đốc xử lý nợ đọng thuế, thực hiện kịp thời các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi tiêu hành chính, đảm bảo các khoản dự phòng chi cho các nhiệm vụ chi cấp bách, đột xuất

Tập trung phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp theo kế hoạch và đề án được duyệt; chú trọng tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, tập trung đầu tư phát triển các sản phẩm chủ lực như gạo, ngô, chăn nuôi đại gia súc; mở rộng, nâng cao hiệu quả khuyến nông, khuyến lâm, đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và sử dụng các giống mới vào sản xuất; gắn sản xuất với chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm; tăng cường phòng, chống dịch bệnh. Tập trung chăm sóc, bảo vệ và mở rộng diện tích cây

công nghiệp dài ngày theo kế hoạch của tỉnh (cây cà phê, cây cao su, mắc ca). Bảo vệ, phát triển rừng, trồng rừng theo kế hoạch; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển nông, lâm nghiệp. Hướng dẫn và hỗ trợ nhân dân chuyển đổi tập quán canh tác, chuyển một số diện tích lúa nương kém hiệu quả sang trồng rừng, cây ăn quả, cây ngô, trồng cỏ cho chăn nuôi nhằm tăng giá trị, hiệu quả kinh tế, góp phần giảm nghèo bền vững. Huy động, khai thác nguồn lực để tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi đảm bảo nước tưới và nuôi trồng thủy sản.

2. Cơ cấu và mô hình phát triển công nghiệp

-Thực hiện tốt quy hoạch vùng sản xuất công nghiệp, các khu công nghiệp. Có các cơ chế phù hợp đối với đặc điểm điều kiện của huyện để tạo môi trường thuận lợi thu hút các nhà đầu tư, trong đó đặc biệt chú trọng tới việc xây dựng hạ tầng cơ sở cho khu công nghiệp. Thực hiện việc giải phóng mặt bằng nhanh chóng bàn giao mặt bằng, đảm bảo tiến độ thi công; chủ động vận dụng và thực hiện những cơ chế, chính sách của tỉnh, của Nhà nước để tạo điều kiện phát triển công nghiệp;

- Tăng cường hỗ trợ để hình thành và phát triển các nghề, làng nghề truyền thống; Chủ động tìm kiếm và tạo ra thị trường cho các sản phẩm tiêu thủ công nghiệp; liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế trong và ngoài huyện để sản xuất và bao tiêu sản phẩm;

- Có cơ chế để thu hút vốn đầu tư của các tổ chức và cá nhân trong huyện cũng như ngoài huyện. Đẩy mạnh, mở rộng liên doanh, liên kết để đầu tư vào việc phát triển sản xuất;

- Tập trung phát triển nông nghiệp tạo nguyên liệu tại chỗ cho công nghiệp chế biến; chú trọng khai thác các nguồn nguyên liệu tại chỗ khác để phát triển công nghiệp; chủ động liên doanh, liên kết với các khu vực cung cấp nguyên liệu từ bên ngoài huyện để có nguồn nguyên liệu ổn định, đảm bảo chất lượng đáp ứng yêu cầu của thị trường;

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân lao động có trình độ và tay nghề cao làm nòng cốt trong sản xuất và quản lý;

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới vào sản xuất; có cơ chế khuyến khích nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật, nhân rộng các mô hình sản xuất tiên bộ.

3. Cơ cấu và mô hình phát triển thương mại, dịch vụ

- Tăng cường đầu tư để phát triển đồng bộ và toàn diện các ngành dịch vụ; đẩy mạnh công tác thành lập các Hợp tác xã thương mại dịch vụ nhằm đảm bảo việc tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp, thực hiện nhiệm vụ đại lý bán hàng cho các doanh nghiệp. Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, thực hiện nghiêm túc các chính sách hỗ trợ của tỉnh, của Nhà nước cho các đối tượng được hỗ trợ;

- Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, dịch vụ, tiếp thị, quảng bá sản phẩm; tiếp tục hưởng ứng, phổ biến tham gia các cuộc thi sáng tạo, sản phẩm công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp mới, các mặt hàng nông sản chủ lực của huyện phục vụ du lịch và xuất khẩu nhằm bảo tồn, duy trì và từng bước phát triển các ngành

nghề truyền thống của địa phương như rèn đúc, đan lát mây tre (gùi, giỏ...), thêu dệt thổ cẩm...; nghiên cứu phát triển một số ngành nghề mới phù hợp với điều kiện của địa phương như đan, dệt lưới (dựng nhà lưới) phục vụ nông nghiệp công nghệ cao, sơ chế rau an toàn... gắn với phục vụ du lịch, thu hút lao động nông thôn, nông nhân.

II. Về phát triển văn hóa, xã hội

1. Về tạo chuyển biến rõ nét về văn hóa, bảo tồn, phát huy các giá trị di sản, hình thành văn hóa vùng, hỗ trợ cho phát triển du lịch

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức Đảng, vai trò trách nhiệm điều hành, triển khai nhiệm vụ cụ thể của các cấp chính quyền đặc biệt là cấp cơ sở, phát huy sự chủ động, tích cực của các đoàn thể, và các tầng lớp nhân dân. Coi việc bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc là nhiệm vụ, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.

Tăng cường nguồn lực cho phát triển văn hóa: đào tạo nguồn nhân lực văn hóa, nghệ thuật, vững vàng về tư tưởng chính trị, tinh thông về nghề nghiệp, có năng lực quản lý nhà nước; xây dựng quy hoạch đào tạo văn hóa, nghệ thuật, ưu tiên việc đào tạo đội ngũ cán bộ thuộc các dân tộc thiểu số; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ làm công tác văn hóa từ huyện đến cơ sở.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn huyện, giám sát chất lượng sản phẩm du lịch, dịch vụ du lịch, thực hiện công tác thanh kiểm tra, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh du lịch, đặc biệt là lĩnh vực kinh doanh nhà nghỉ và nhà hàng trên địa bàn huyện.

Nâng cao vai trò và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng trong việc bảo vệ các di tích đã được xếp hạng và các diềm có tiềm năng nhằm tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch và dịch vụ du lịch. Phát động phong trào người dân ứng xử văn minh, tận tình hỗ trợ khách du lịch; tuyên truyền vận động nhân dân chung tay giữ gìn vệ sinh môi trường, an ninh trật tự tại nơi công cộng

2. Bảo tồn, phát huy văn hóa các dân tộc nhất là đồng bào dân tộc thiểu số

Thực hiện chính sách xã hội hóa hoạt động văn hóa, tạo điều kiện cho các hoạt động văn hóa phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân; xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống thiết chế văn hóa từ huyện đến cơ sở. Nâng cấp, cải tạo và xây mới bãi tập, khu vui chơi cho nhân dân trong huyện... Thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép giữa các chương trình dự án về phát triển văn hóa các dân tộc với các chương trình phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương. Tích cực tham mưu cho UBND tỉnh và huy động các nguồn lực đầu tư, triển khai các dự án bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện.

3. Đầu tư, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; cải thiện chất lượng nguồn nhân lực.

Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất nhằm kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên, thực hiện đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục. Duy trì, củng cố và nâng cao chất

lượng phổ cập các cấp học. Tiếp tục thực hiện kế hoạch đào tạo nghề theo Đề án 1956, chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trực tiếp tham gia sản xuất để nâng cao năng suất lao động, sản lượng và thu nhập.

4. Đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm

Nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người lao động, đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm tăng chỉ tiêu đưa người lao động đi làm việc tại các khu công nghiệp và xuất khẩu lao động; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ trẻ em mồ côi, người khuyết tật, người cao tuổi, người thuộc hộ gia đình chính sách.

5. Quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách về dân tộc như: Thực hiện hỗ trợ theo Quyết định 102/QĐ-TTg; người có uy tín; hỗ trợ phát triển sản xuất... nhằm từng bước xóa đói, giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách giữa vùng cao, vùng xa với các vùng khác. Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước và hướng dẫn chức sắc, các điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật.

6. Nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân

Tiếp tục thực hiện các hoạt động giáo dục về dân số - sức khỏe sinh sản, phòng ngừa nhiễm HIV, bình đẳng giới, mất cân bằng giới tính khi sinh...; thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, tăng cường giám sát dịch tễ, phát hiện sớm và xử lý kịp thời các ca bệnh, không để dịch xảy ra. Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu Y tế - Dân số; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và đảm bảo chế độ chính sách cho khám chữa bệnh BHYT, người nghèo và trẻ em; quản lý chặt chẽ vệ sinh an toàn thực phẩm; thực hiện tốt kế hoạch cai nghiện bắt buộc và cai nghiện tại cộng đồng; đẩy mạnh xây dựng xã, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn xã hội.

III. Về quốc phòng an ninh

1. Tăng cường quốc phòng an ninh gắn với phát triển kinh tế địa phương

Chủ động nắm chắc tình hình địa bàn phức tạp về an ninh trật tự; làm tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm. củng cố an ninh trật tự tại các cơ sở, tăng cường kiểm tra, kiểm soát, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, bảo vệ an toàn các mục tiêu chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội; tiếp tục đẩy mạnh kiểm tra, xử lý các vi phạm trật tự an toàn giao thông.

2. Tăng cường quản lý nhà nước về an ninh trật tự

Chủ động phối hợp nắm chắc tình hình; duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, các nội dung công tác phòng thủ dân sự. Tổ chức tốt cuộc diễn tập chiến đấu phòng thủ huyện và các xã trên địa bàn. Tập trung chỉ đạo làm tốt công tác tuyển quân trong năm, triển khai công tác huấn luyện, giáo dục quốc phòng, công tác quân sự địa phương thực hiện theo kế hoạch. Kết hợp xây dựng thế trận an ninh nhân dân với nền quốc phòng toàn dân

PHẦN IV
KIẾN NGHỊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đề nghị Chính phủ có cơ chế, chính sách đầu tư đặc biệt cả về nguồn vốn, ngân sách, nguồn vốn vay ưu đãi, đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch các dự án quy hoạch đã được phê duyệt trọng tâm là chương trình phát triển KT-XH vùng miền núi và dân tộc thiểu số, Chương trình giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững, chương trình xây dựng nông thôn mới.

Trên đây là Báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2020 của UBND huyện Tuần Giáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Vũ Văn Đức